

Bản án số: 110/2018/HS-ST.
Ngày: 26-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Mộng Cầm.

Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2018/TLST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1979 tại Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số nhà 278, đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Trần Thị H (chết); bị cáo chưa có vợ, con con; tiền án 01 lần năm 2009, về hành vi trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích), tiền sự: Không có; nhân thân: Có tiền án đã được xóa án tích ; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/8/2018 đến nay, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Ông Vũ Đức H, sinh năm 1971, nơi cư trú: khóm TN, thị trấn C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977, nơi cư trú : Số nhà 14, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tuấn T, sinh năm 1985, nơi cư trú : Số nhà 1A, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh Tr là nhân viên phục vụ cho quán nhậu 27, địa chỉ số 27, Khóm M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Vào lúc 01 giờ, ngày 17/6/2018 trong lúc dọn vệ sinh quán Tr có nhặt được một cái Bóp màu đen của anh Vũ Đức H do nhậu tại quán làm rơi lại, Tr kiểm tra bên trong Bóp có số tiền 300.000 đồng; 07 thẻ ATM, trong đó có 02 thẻ ATM của Ngân hàng BIDV mang tên Lê Thị D có ghi sẵn mã pin cùng thẻ mang tên Vũ Đức H trùng với tên in trên giấy Chứng minh nhân dân, các giấy tờ mang tên Vũ Đức H gồm 01 Chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ Bảo hiểm y tế và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát số 84E-171.21, khi thấy các giấy tờ nêu trên Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 300.000 đồng và số tiền trong tài khoản 02 thẻ ATM mang tên Lê Thị D, Vũ Đức H.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 17/6/2018 Tr đến trụ ATM của Ngân hàng BIDV tại đường H, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long dùng thẻ ATM mang tên Lê Thị D để rút tiền nhưng mã pin không đúng nên không rút được, sau đó Tr dùng ATM mang tên Vũ Đức H tra vào nhập thử mã pin 271177 là ngày tháng và hai số cuối của năm sinh trên giấy Chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức H thì đúng mã pin của thẻ nên máy ATM cho giao dịch, qua các lần nhập lệnh rút tiền Tr đã lấy được 8.000.000 đồng, thì máy ATM thông báo không rút được nữa, nên Tr tiếp tục đến trụ ATM trên đường L, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long rút được số tiền 9.400.000 đồng thì máy thông báo không rút được nữa nên Tr về nhà. Đến khoảng 13 giờ ngày 17/6/2018 Tr đến nhà chị ruột là Nguyễn Thị Đ chơi, tại đây Tr nhờ chị Đ rút thẻ ATM dùm nhưng chị Đ không biết sử dụng, nên chị Đ có nhờ Nguyễn Tuấn T rút tiền dùm cho Tr được 27.000.000 đồng, khi rút tiền xong T được chị Đ cho 1.000.000 đồng, Tr cũng đồng ý và Tr còn cho chị Đ 2.000.000 đồng. Sau đó, Tr vứt bỏ 02 thẻ ATM vào thùng rác công cộng ven đường, đến chiều ngày 17/6/2018 vợ anh H là chị Nguyễn Thị D có đến tìm cái Bóp thì Tr lấy ra trả lại nhưng bên trong không còn thẻ ATM.

Đến ngày 19/6/2018 anh H kiểm tra số tiền trong tài khoản thì phát hiện mất 44.400.000 đồng, nên đã trình báo với Công an Phường C, thành phố V. Nhận được tin báo, Công an Phường C, thành phố V kết hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V xác minh sản lọc đối tượng, kết quả xác minh, lực lượng

Công an mời Nguyễn Thanh T r đến Trụ sở để làm việc , qua lấy lời khai và quá trình điều tra Tr thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp, tổng số tiền mà Tr chiếm đoạt của anh H là 44.700.000 đồng

Quá trình điều tra đã thu hồi được số tiền 22.300.000 đồng và đã trả lại tài sản cho bị hại xong, còn lại số tiền 22.400.000 đồng Tr tiêu xài hết không thu hồi được, nhưng anh H không yêu cầu Tr bồi thường và cũng không yêu cầu xử lý hình sự đối với Tr.

Đối với Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Tuấn T khi Tr nhờ rút tiền không biết là thẻ do Tr nhặt được của người khác và đã nộp lại số tiền , nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 107/CT-VKSND-TPV ngày 30/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bị hại là ông H có đơn xin vắng mặt phiên tòa, trong đơn ông có nêu: Không yêu cầu trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, ông T có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số : 107/CT-VKSND-TPV ngày 30/10/2018 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo , về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị không giải quyết vì bị hại không còn yêu cầu.

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông T) không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự : “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.* Bị cáo Tr có hành vi dùng thẻ ATM của người khác rút tiền , xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bị hại , số tiền bị cáo lấy được là 44.700.000 đồng, hành vi của bị cáo Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra , phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan . Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã dùng thẻ ATM của anh H , lén rút tiền của bị hại , tài sản mà bị cáo xâm hại được xác định là 44.700.000 đồng. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra , bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi của bị cáo , nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra . Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự , để cho bị cáo có thời gian học tập , cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo , hiện tại bị cáo không có tiền án, không có tiền sự. Tuy nhiên, trước đây bị cáo từng có bị phạt tù về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” từ đó cho thấy nhân thân của bị cáo không tốt, bị cáo đã được cải tạo, giáo dục nhưng không sửa đổi , nhưng khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo , ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi một phần trả cho bị hại xong, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo , gia đình bị cáo (ông Nội) tham gia cách mạng được khen thưởng , phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo bị nhiễm HIV , nên có căn cứ cho bị cáo hưởng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những căn cứ nêu trên , xét thấy Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét , quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt . Đồng thời, việc đề nghị của Kiểm sát viên về phân dân sự là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung , theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền . Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp , không có thu nhập, không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự , bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với số tiền không thu hồi được, nên không giải quyết.

[7] Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã xử lý xong tại giai đoạn điều tra , nên không đề cập xử lý tại phiên tòa.

[8] Bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh Tr phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Tr - 01 (*một*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh Tr phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà Đ) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

